

## **TÍN NGƯỠNG THỜ THUÔNG LƯỜNG CỦA CÁC DÂN TỘC NÓI TIẾNG THÁI Ở VIỆT NAM**

HOÀNG LƯƠNG<sup>(\*)</sup>

### **1. Lí thuyết của vấn đề**

Theo tư duy nguyên thủy, con người bao giờ cũng đặt bản thân mình làm trung tâm của vũ trụ. Nghĩa là mọi hoạt động trong vũ trụ đều xoay quanh hoạt động của con người, lấy hoạt của con người làm mẫu, làm trung tâm. Nói cách khác, con người chính là sức sống tác động lên tất cả sức sống xung quanh mình và ngược lại, bản thân con người cũng phải chịu các thế lực tự nhiên xung quanh tác động, chi phối. Để có thể sống được giữa thế giới tự nhiên, con người đã phải tìm mọi cách để sống chan hoà với tự nhiên.

Để có được sự chan hoà, con người đã *nhân hoá* các lực lượng tự nhiên xung quanh. Cho nên, trong bài viết này mặc dù những câu chuyện về thuông luồng “*Tô ngược*” có thể được kể và hiểu khác nhau trong văn học và tín ngưỡng dân gian của các tộc người nói tiếng Thái, nhưng hình tượng thuông luồng “*Tô ngược*” đều được nhìn nhận thông qua *hình tượng mang tính người*. Những hình tượng đó đều được nhân hoá thành những con người cụ thể và có mối liên hệ thân thiết như tổ tiên, người chồng, người vợ, hay có khi chỉ là người tình, con nuôi, bạn bè.

Điều đáng chú ý là phần lớn mối quan hệ này đều mang ý nghĩa sinh thành. Từ

quan hệ này mà sinh ra con người hoặc tạo ra các sinh hoạt văn hoá của họ. Theo đó, con người (ở đây là các tộc người nói tiếng Thái) đều được sinh ra từ mối quan hệ giữa con người và thuông luồng “*Tô ngược*”. Một vấn đề đáng chú ý nữa là tại sao trong quan niệm của các tộc người này chỉ có mối quan hệ giữa con người và thuông luồng “*Tô ngược*” mà không phải là với con vật khác?

Trong thực tế, thuông luồng “*Tô ngược*” chỉ là con vật trong tưởng tượng. Vì hễ ai nhìn thấy con vật này đều bị chết, bị điên hay mất trí... Nghĩa là, không ai biết cụ thể, chính xác về nó mà chỉ biết nó hình rắn to, có mào đỏ, có thể biến hoá khôn lường...

Thực ra, đây là một con vật chỉ có trong thần thoại hoặc là một loại ma, một sức mạnh siêu nhiên ở dưới nước, thậm chí là vua nước. Nhưng khi đã có quan hệ với con người, thuông luồng lại thường biến thành hình hài con người. Hình hài đó có khi hoàn chỉnh, có khi chỉ là nửa người, nửa vật, đầu người, thân rắn...

Lâu nay, trên thế giới đã có nhiều ý kiến tìm cách giải thích hiện tượng này. Cách giải thích được nhiều người chấp

\*. PGS.TS., Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

thuận nhất có lẽ là của Ingold. Theo ông, đó là sự phản ánh “*bản thể của sự cố kết*” giữa con người và tự nhiên. Trong đó, giữa con người và tự nhiên có mối quan hệ tương tác hay mối quan hệ tương tác chủ quan (nhìn thế giới tự nhiên như thế giới con người). Ví dụ, những cư dân săn bắn hái lượm thường nhìn nhận giữa họ và thế giới tự nhiên xung quanh như mối quan hệ giữa con người và con người, con vật cũng hiểu tiếng người, nói chuyện được với con người. Trong dân gian thường kể nhiều chuyện về ông đánh cá khi bắt được con cá thì con cá van xin rồi được thưởng có hậu, bắt được con rùa thì con rùa van xin rồi mách cho cách làm nhà hay đối nhân xử thế sao cho tốt đẹp... Những con vật đó đều mang tính người (ít ra là biết nói tiếng người).

Cũng như thế, đối với các cư dân trồng lúa nước, kể cả các cư dân sinh sống bằng nghề nông nghiệp khác, đều coi *yếu tố nước đóng vai trò quan trọng* hàng đầu trong quá trình canh tác. Đối với các cư dân nói tiếng Thái, những cư dân trồng lúa lâu đời, nước là yếu tố quan trọng hàng đầu. Biểu tượng sức mạnh của nước chính là ma nước hay vua nước là thường luông “*Tô ngược*” - vì là ma nên hình hài nó chỉ có trong tưởng tượng và linh thiêng - hễ ai nhìn thấy nó thì chết hoặc điên... Để chung sống được với nó hay tránh được những tác hại của nó, phải lợi dụng được sức mạnh của nó, *phải biến chúng thành người*. Nói cách khác, phải đối xử với chúng như đối xử với con người, nên phải nhân hoá chúng thành người.

Đó là kết quả của những kinh nghiệm trong quá trình canh tác lúa nước, một loại hình kinh tế truyền thống của họ. Có thể nói, quá trình canh tác lúa nước là quá

trình sử dụng nước một cách hợp lý, tưới tiêu sao cho phù hợp với từng thời kì sinh trưởng của cây lúa. Đây là nghệ thuật sử dụng nước của các cư dân này. Nước là điều kiện cần thiết để có nghề lúa nước: “*Mí năm chǎng pên na, mí na chǎng pên ban, mí bản chǎng pên nương*” (có nước mới có ruộng, có ruộng mới thành bản, có bản mới thành mừng). Vì thế, trong xã hội Thái, thóc lúa được đặt lên vị trí hàng đầu, tiền bạc ở dưới: “*Khau năm nǎng nưa, ngán khǎm nǎng tở*”. Xã hội truyền thống Thái là một xã hội của lúa gạo, văn minh Thái là văn minh lúa gạo. Tuy làm nương cũng ra lúa gạo, nhưng không bằng làm ruộng: “*Hay mung tēm ta bâu to ná hơ nương*” (Nương nhìn ngút mắt không bằng ruộng một thửa). Trong đó, mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên là mối quan hệ tương tác chủ quan, không phải là hai thế giới đối lập tách rời nhau như trong bản thể của Phương Tây.

Ở Phương Đông nói chung và các cư dân nói tiếng Thái ở Việt Nam nói riêng, thế giới con người và tự nhiên thường hoà chung với nhau làm một. Trong quá trình canh tác lúa nói riêng, kinh tế nông nghiệp ở Phương Đông nói chung, sự lệ thuộc của quá trình này vào sự chi phối của tự nhiên là rất lớn, có khi mang tính quyết định. Cho nên, mối quan hệ giữa con người và tự nhiên là mối quan hệ mật thiết. Có thể nói khác đi, con người muốn sống được phải dựa vào tự nhiên. Đó là mối quan hệ thống nhất hoà đồng. Phương châm sống là phải kết hợp được 3 yếu tố: “*Thiên thời, địa lợi, nhân hoà*”, giữa con người và trời đất phải tạo thành mối hoà đồng, thống nhất, nếu không con người sẽ gặp nhiều điều trắc trở.

Mặt khác, bên cạnh sự hoà đồng, thống nhất, con người muốn tồn tại được

giữa thế giới tự nhiên đầy sức mạnh huyền bí đó để cầu mong sự hoà đồng, tránh những tác hại không cần thiết do thiên nhiên gây ra. Cho nên, tín ngưỡng của Phương Đông nói chung, các tộc người nói tiếng Thái nói riêng là tín ngưỡng đa thần. Họ tôn sùng, thờ cúng tất cả những sức sống (anima) xung quanh họ, trong đó có ma nước, mà thuồng luồng “*Tô ngược*” là một trong những sức mạnh tiêu biểu ở dưới nước, thực ra là sức mạnh của nước.

Theo quan điểm trên đây, đó chính là sức mạnh của *mối quan hệ tương tác chủ quan giữa con người và thế giới nước*. Hơn nữa, khi muốn trở thành trung tâm của vũ trụ, con người phải có mối quan hệ giữa con người với tự nhiên như là quan hệ giữa con người với con người. Có như thế, giữa con người và tự nhiên mới có được mối quan hệ hoà đồng, thống nhất với nhau.

Một trong những đặc điểm tiêu biểu của tín ngưỡng đa thần là con người luôn *biến những lực lượng siêu nhiên trở thành con người*. Nghĩa là con người “nhân hoá” tất cả những lực lượng siêu nhiên, kéo nó từ một thế giới xa xăm, khác lạ lại gần với con người, thậm chí biến thành con người để những lực lượng đó dễ đồng cảm và giúp đỡ con người một cách thiết thực hơn, có hiệu quả hơn.

Các cư dân săn bắn thường tôn thờ thần săn bắn và coi việc săn bắn như một hoạt động hôn phối giữa họ và các động vật săn bắn. Phần siêu nhân của cuộc săn từ lúc bắt đầu cho tới khi kết thúc là một quá trình liên quan đến chuyện kể về sinh lí (ve vãn, tán tỉnh, tìm hiểu, làm quen, quyến rũ, ràng buộc, dụ dỗ rồi bắt đi... cuối cùng là sự sinh sản). Thực ra, đây là mối ràng buộc giữa tự nhiên và con

người, là sự tôn kính môi trường trong cái nhìn *chủ thể* với *chủ thể*, khác xa quan niệm của Phương Tây là quan niệm giữa *chủ thể* và *khách thể*. Theo quan niệm Phương Tây truyền thống, tự nhiên và con người được xem như sự tách biệt và trong vị trí đối lập. Với cấu trúc *chủ thể* và *khách thể*, tự nhiên được xem là nguồn tài nguyên bị tận dụng, điều khiển, sở hữu, cai trị, quản lí và được “chăm sóc” bởi con người. Nhưng đối với Phương Đông nói chung và người Thái nói riêng, giữa tự nhiên và con người là mối quan hệ tương tác chủ quan như đã trình bày ở phần trên. Thực ra, đây là phạm vi mang tính tự nhiên của các mối *tương tác sinh loài - môi trường*. Nghĩa là con người phải duy trì sự sống của họ bằng việc bảo vệ năng lượng tự nhiên từ môi trường: một sự sắp xếp lại môi trường để từ đó tạo ra một cái gì đó từ nó. Đó là “*một sự chuyển hoá của những vật chất từ một dạng hay hình dạng này sang hình dạng khác, con người tạo ra cái gì đó từ hành động này*”.

Như vậy, hình ảnh thuồng luồng - thần nước của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước cũng giống như hình ảnh của động vật đối với thợ săn và hình ảnh rừng trong suy nghĩ của cư dân săn bắn hái lượm. *Đó là các đối tác của con người trong một “nền kinh tế vũ trụ của sự chia sẻ” hoàn thiện*. Sự tồn tại của con người được coi là sự diễn ra trên hai cấp độ cùng một lúc, *cấp độ xã hội của các mối quan hệ liên cá nhân, liên chủ thể và cấp độ sinh thái tự nhiên của những sự tương tác sinh vật - môi trường*. Trong khi đó, sự tồn tại của động vật chỉ được giới hạn trong địa hạt tự nhiên. Loài người vừa là những con người và vừa là các sinh vật, *tất cả động vật đều là sinh vật*. Theo

quan niệm của các cư dân săn bắn, *tính người được mở rộng một cách bình đẳng cho cả người và động vật* (thậm chí cho cả những vật vô tri, vô giác). Do đó, thế giới được xây dựng dưới dạng văn hoá, động vật, gió mưa và các sự vật hiện tượng khác đều được coi là những cái “*giống như con người*”. Những hiện tượng đó được mô hình hoá theo các mối quan hệ hàng ngày của con người như tình bạn, tình yêu, cưỡng ép,...

Với nhận thức như thế, động vật được xây dựng giống như con người thông qua sự đồng hoá của chúng vào trong một giản đồ mượn từ phạm vi của các mối quan hệ của con người. Nhiều dân tộc săn bắn, hái lượm coi “*rừng là bố mẹ*” hay “*bố mẹ là rừng*”, vì rừng đem lại nhiều lợi ích cho họ. Do đó, việc các cư dân làm ruộng nước coi thần nước thường luồng “*Tô ngược*” là bố mẹ, tổ tiên... của mình cũng là điều dễ hiểu.

Tóm lại, động vật không chỉ tham gia cùng loài người với tư cách là con người trong phạm vi của thực tế ảo - như được biểu đạt trong thế giới có chủ đích, thế giới được xây dựng dưới dạng văn hoá, một thế giới đặt lên trên nên tự nhiên có trước của các mối *tương tác sinh loài - môi trường*. Vì vậy, do chúng ta là con người nên thế giới xung quanh chúng ta nhất thiết phải mang tính con người, đặt con người ở trung tâm của một thế giới có sự sống bên trong - một trung tâm của sự nhận thức xúc cảm, lan toả thông qua hoạt động của các cảm giác vào trong môi trường xung quanh.

Đến đây đã có thể trả lời câu hỏi tại sao các cư dân nói tiếng Thái lại tôn thờ và *nhân hoá thường luồng “Tô ngược”* - một sinh loài - môi trường của cư dân làm ruộng nước. Các cư dân nói tiếng Thái ở

Việt Nam, mỗi tộc người một vẻ, đã thể hiện quan niệm hình tượng thường luồng “*Tô ngược*” trong văn hoá truyền thống khá sinh động và phong phú.

## 2. Một số tín ngưỡng liên quan đến thường luồng “*Tô ngược*” trong đời sống văn hoá truyền thống của cư dân nói tiếng Thái ở Việt Nam

### 2.1. Thần linh và tổ tiên

Trong nhiều trường hợp, thường luồng “*Tô ngược*” được xem là thần linh hoặc tổ tiên của các tộc người nói tiếng Thái ở Việt Nam. Ví dụ:

**2.1.1.** Trong lễ hội “*Thảm Bua*” (hang Bua) tổ chức vào tháng 1 lịch Thái (tương đương tháng 12 âm lịch), nhân dân huyện Quỳnh Châu (Nghệ An) thường cúng thần nước “*Phi nặm huổi ha*” tại “*Bó nặm*” (Mỏ nước) ở cạnh hang Bua. Trong lễ này, người ta mổ trâu trắng để tế thần nước “*Phi nặm*”. Năm nào hạn hán kéo dài, người ta cũng tổ chức mổ trâu trắng cúng thần “*Bó nặm*”.

Theo truyền thuyết, thần “*Bó nặm*” là ma thường luồng “*Phi ngược*”. “*Phi ngược*” là ông tổ của *Khun Tính*, *Khun Tóng*, kết quả của cuộc hôn phối giữa “*Phi ngược*” và “*Nàng Ni*” con gái thần núi “*Phi Pú phạ hung*” (thực ra là người ở trần gian). *Khun Tính*, *Khun Tóng* là hai chàng trai xây dựng và làm chủ đất Chiềng Ngam (xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Châu) sau này. Người Thái ở Quỳnh Châu và các vùng xung quanh đều coi *Khun Tính*, *Khun Tóng* là ông tổ của mình. Người Kinh cũng coi thường luồng (Lạc Long Quân) là ông tổ của tộc mình.

**2.1.2.** Lễ hội *Bưư Lừa* (lễ hội đua thuyền) của người Nùng Phàn Slinh ở huyện Bình Gia (Lạng Sơn) cũng là lễ hội thờ cúng thường luồng “*Tô ngược*” hay

"*Phi ngược*". Ngày xưa, có hai vợ chồng già tại *Pác Cáp* (nay là địa phận xã Hồng Phong - Bình Gia) mãi không có con. Một hôm, bà vợ nằm mơ bị một tia sét đánh vào mạng sườn, sau đó bà mang thai. Cùng thời gian đó, hai vợ chồng đi đánh cá ở *Hát Quang*, *Hát Lải* nhặt được quả trứng có chấm đỏ. Thấy lạ, họ đem về nhà cho gà ấp, sau đó nở ra rắn con có mào đỏ. Ông bà nhận làm con nuôi. Sau đó, đứa con trong bụng bà cũng được sinh ra. Vì sinh sau nên gọi rắn có mào đỏ là anh. Hai anh em rắn - người rất quý nhau. Một hôm hai anh em đi tắm, người em bị thuồng luồng dưới sông *Hát Quang* bắt. Rắn anh thương nhớ em nên xin phép bố mẹ nuôi đi tìm em. Ngày nào rắn có mào đỏ cũng mang cá về nuôi bố mẹ già.

Ngày tháng qua đi, hai ông bà cùng chết. Dân làng chôn ông cạnh gốc đa *Pác Cáp*, chôn bà ở bên kia sông đối diện với mộ ông. Thỉnh thoảng, rắn có mào đỏ lại hiện lên chăm sóc mồ mả của bố mẹ nuôi. Dân làng thấy lạ bèn xây dựng cạnh mỗi ngôi mộ một đền thờ, gọi là đền Ông và đền Bà.

Hàng năm, cứ đến ngày mùng 4 tháng 4 âm lịch, dân làng lại tổ chức lễ hội tại hai ngôi đền này. Trong ngày hội có nhiều trò chơi, trong đó có hội đua thuyền (bơi thuyền), tiếng Tày - Nùng gọi là "*Bưà lừ*" (bưà = bơi chèo, lừ = thuyền).

**2.1.3.** Nhân dân nhiều vùng tự nhận là con cháu của thuồng luồng "*Tô ngược*". Nhân dân các xã Yên Thịnh, Yên Thượng, bản Thi (Chợ Đồn), Mẫu Ninh, Thượng Giáo (tỉnh Bắc Kạn), Đài Thị (Chiêm Hoá, Tuyên Quang),... đều tự nhận là con cháu của thuồng luồng. Ví dụ, họ Ma ở bản Loàn (Yên Thịnh, Chợ Đồn), Pạc Ngàn (Ba Bể) tỉnh Bắc Kạn, vùng Pác Man, Pác Miểu (Đài Thị, Chiêm

Hoá) tỉnh Tuyên Quang,... mỗi khi đi qua suối bản Vay, Vàng Mi, sông Gâm... đều phải tự xưng mình là con cháu họ Ma để thuồng luồng không bắt. Còn ở một số nơi thuộc tỉnh Lạng Sơn, nhân dân lại phải tự nhận mình là con cháu họ Hoàng mới không bị thuồng luồng quấy phá.

Những dòng họ trên đều liên quan đến việc nuôi nấng, giúp đỡ thuồng luồng, coi thuồng luồng là ông bà, cha mẹ. Cho nên, mỗi khi qua sông suối tự nhận mình con cháu các dòng họ trên đều không bị thuồng luồng bắt nạt. Trong đó, tiêu biểu là câu chuyện của nhân dân bản Loàn (Yên Thịnh, Chợ Đồn, Bắc Kạn) khi đánh cá nhặt được quả trứng rồi đem về cho gà ấp và nở ra thuồng luồng nuôi ở ao Loàn. Thuồng luồng lớn lên báo đáp công ơn ông già họ Ma và nhân dân trong vùng. Cho nên, mỗi khi qua sông, suối hay mưa lũ, nhân dân ở đây đều nói: "*Chúng tôi là con cháu bản Loàn, bản Vay đấy*" để thuồng luồng giúp đỡ. Nhân dân vùng Pác Man, Pác Miểu (Đài Thị, Chiêm Hoá, Tuyên Quang) mỗi khi qua con suối Vàng Mi - nơi ở của thuồng luồng, bắt nguồn từ Chợ Đồn (Bắc Kạn) đổ vào sông Gâm (Tuyên Quang) đều phải nhận mình là con cháu vùng Pác Man, Pác Miểu mới được yên lành, v.v...

Người Thái các vùng Phù Yên, Mai Sơn, Thuận Châu (Sơn La) đều tự nhận là con cháu của thuồng luồng. Trong đó, tiêu biểu là các truyền thuyết ở Mường Tấc (Phù Yên), Mường Muối (Thuận Châu)... Ở Phù Yên có Ao ba cửa "*Nong xam tạng*" trên đỉnh núi *Khau Li*, là nơi ở của vua thuồng luồng "*Pua ngược*". Nhân dân thuộc ba vùng Phù Yên, Bắc Yên, Văn Chấn, nơi có ba con suối bắt nguồn từ Ao ba cửa đều rất coi trọng cái ao này. Họ đều cho rằng đó là nơi linh thiêng, nơi

ở của vua nước "Pua ngược". Nhờ đó mà có 3 cánh đồng lớn Mường Lò (Yên Bái), Mường Tấc (Phù Yên), Nong Đa (Bắc Yên). Ở Phù Yên có câu chuyện Bà Khó (thằng nghèo) kể rằng có hai bố con nghèo quá thường mơ tới những điều tốt đẹp. Một hôm, họ thấy thường luồng có mào đỏ rực nằm vắt ngang quá giang "Khử hươn". Người con bảo: Bố ơi đây là điềm gỡ. Người bố đáp: Gỡ cái gì, đây là ông bà tổ tiên của ta, thấy chúng ta nghèo quá nên họ mang vàng mang bạc đến cho. Nghe nói vậy, thường luồng bèn trườn xuống *Vấng óm* (vực thiêng ở Mường Tấc) rồi quật đuôi vào *Pú Chạng* từ đó vàng bạc tuôn trào, hai bố con tha hồ sung sướng.

Ở Mường Muối có *Nong Luông*, còn gọi là "Nong Luống" (ao thường luồng, ao rộng). Thấy mảnh đất này cằn khô, có đôi thường luồng đã đào đất đá tạo thành ao để cung cấp nước làm ruộng cho cả vùng.

Ở Mường Lang (Phù Yên), tuy hiện nay là địa bàn sinh sống của người Mường, nhưng từ xưa đã có câu chuyện thường luồng đào vách đá làm mương tưới nước cho cả vùng. Khi hạn hán, nhân dân chỉ cần nạo vết con mương báo hiệu cho thường luồng biết là sẽ có nước chảy về ngay.

Như vậy, nhiều câu chuyện kể về thường luồng là tổ tiên, người có công chăm lo đến con người, trước hết là đem nước về cho các vùng cày cấy hay phù hộ, giúp đỡ con người. Nhân dân đều biết ơn thường luồng, coi thường luồng là thần linh hay tổ tiên của họ.

## 2.2. Quan hệ vợ chồng

Tuy các câu chuyện về quan hệ vợ chồng giữa thường luồng và con người không phổ biến lắm, nhưng cũng có một

số câu chuyện khá cảm động. Trong đó tiêu biểu là các câu chuyện sau:

Ở huyện Na Hang (Tuyên Quang) có núi *Mông Tự* hay *Mung Tự* (giống như núi Vọng phu) liên quan đến Nàng tiên thứ bảy. Gia đình nhà nọ có 7 cô con gái, cô nào cũng xinh đẹp. Riêng cô út xinh đẹp nhất nên được gọi là Nàng tiên thứ bảy. Chàng nhà của họ có một con suối chảy từ núi Mông Tự xuống và có nhiều vực. Tại những vực này có nhiều thường luồng sinh sống.

Thuông luồng là một loại động vật linh thiêng và có nhiều phép mầu. Chúng có thể biến thành người trong một thời gian nào đó. Trước vẻ đẹp của 7 cô con gái, có 7 chàng thường luồng đã xin phép vua cha được biến thành người để kết duyên cùng họ. Vua thường luồng đồng ý với điều kiện chỉ được biến thành người trong một thời gian nhất định, sau đó lại phải trở thành thường luồng.

Đêm đêm, 7 chị em ngồi tụ tập trên sàn dệt vải, các chàng thường luồng đến nấp dưới gầm sàn ngắm nghía các cô. Một hôm, cô em út (Nàng tiên thứ bảy) đang dệt bỗng đánh rơi suốt chỉ xuống gầm sàn. Suốt chỉ đó rơi vào tay chàng thường luồng út, chàng bèn đem theo xuống nước. Nhưng, do suốt chỉ đang dệt nên suốt đi đến đâu thì chỉ kéo theo đến đó. Vì thế, khi xuống gầm sàn tìm, cô gái thấy cuộn chỉ của mình kéo ra tận bờ suối và cô cứ thế đi theo. Đến bờ suối, cô thấy một chàng trai mặt mũi khôi ngô, tuấn tú từ dưới suối mỉm cười với mình khiến trái tim nàng rung động, xao xuyến. Nàng cảm thấy yêu chàng vô cùng. Từ đó, họ hẹn hò nhau tại bờ suối.

Vì chàng thường luồng chỉ được biến nửa thân trên thành người, còn thân dưới vẫn có đuôi nên chàng phải ngậm mình

dưới nước để giấu đuôi mình. Sau đó, họ thành vợ chồng, sinh con đẻ cái. Nhưng hết thời hạn làm người, chàng thuồng luồng phải trở về thủy cung, bỏ lại vợ con ở trên trần gian. Thương nhớ chồng, Nàng tiên thứ bảy ngày ngày trèo lên ngọn núi Mông Tự ngóng về phía dòng suối chờ chồng quay về. Từ đó, ngọn núi này được gọi là núi chờ ngóng chồng "*Mung Tự*".

Tại vùng người Thái Đen ở Mai Sơn (Sơn La) có Nong Kheo (Ao xanh) và Nong Bua (Ao sen) cũng có câu chuyện tương tự. Một gia đình người Thái có cô con gái xinh đẹp, nhưng rất hiếu động, thích lên rừng hái hoa ban và các loại rau rừng. Một hôm, vì mải mê công việc, cơn mưa rào kéo đến làm lũ ngập con suối về bản mà cô gái không biết. Khi quay về, cô không thể lội qua suối được. Nhưng, bỗng từ lòng suối lữ nổi lên một cây cầu bắc ngang suối. Nàng tưởng cầu thật cứ thế bước qua. Khi về đến nhà, nàng kể lại câu chuyện lạ cho bố mẹ nghe. Có điều lạ là càng kể nàng càng cảm thấy nhớ cây cầu. Từ đó, ngày nào nàng cũng ra bờ suối để được nhìn thấy cây cầu lạ.

Nhưng, từ lòng suối không có cây cầu nào mà thay vào đó lại thấy một chàng trai đang mỉm cười với nàng. Thế là tình yêu nảy nở giữa cô gái và chàng trai. Sau này, cô mới biết đó là chàng trai thuồng luồng. Nhưng do quá yêu nhau nên họ đã thành vợ thành chồng, sinh con đẻ cái đông đúc.

Tại Thảm Bua (Châu Tiên, Quý Châu, Nghệ An), thuồng luồng vừa là thần linh, tổ tiên và đồng thời cũng có quan hệ vợ chồng với con người. Cho đến nay, trong hang vẫn còn phiến đá lớn phẳng là nơi ngủ của Nàng Ni, tiếng Thái gọi là *Chong Nang* (giường Nàng). Nàng được vua nước yêu và sinh ra Khun Tinh, Khun Tống, sau này làm chủ đất Chiềng Ngam (Quý Châu, Nghệ An).

Ngoài ra, quan hệ giữa thuồng luồng và con người còn là quan hệ anh em. Tiêu biểu là câu chuyện về lễ hội Bưạ Lừa ở huyện Bình Gia (Lạng Sơn). Tuy không từ một mẹ sinh ra, nhưng từ lúc còn nằm trong trứng, thuồng luồng đã được hai vợ chồng nhà nọ chăm sóc, nuôi dạy khôn lớn và kết nghĩa anh em với người con do ông bà sinh ra. Sau khi người em (con người) bị chết đuối, thuồng luồng anh đã vô cùng thương tiếc, tìm mọi cách an ủi nhằm bù lại nỗi mất mát cho bố mẹ nuôi cũng như trả thù cho người em xấu số.

Tóm lại, dù ở mối quan hệ nào giữa thuồng luồng và con người đều có tình cảm chân thành, tốt đẹp và chung thủy. Đến nay, nhân dân nhiều nơi vẫn thờ cúng và coi thuồng luồng là người thân thiết của mình. Vì vậy, trong tín ngưỡng và văn học dân gian của các cư dân nói tiếng Thái ở Việt Nam, *hình tượng thuồng luồng "Tô ngược" là một biểu tượng tiêu biểu, nổi trội mang tính đặc trưng tộc người.*